

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**ĐỀ ÁN  
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

**Tên chuyên ngành: Quản lý kinh tế  
Mã số: 62 34 04 10  
Tên cơ sở đào tạo: Đại học Vinh  
Trình độ đào tạo: Trình độ tiến sĩ**

**NGHỆ AN - 2017**

## **ĐỀ ÁN**

# **MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ KINH TẾ**

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản lý kinh tế  
Mã số: 62 34 04 10  
Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Vinh  
Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

### **Phần 1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án**

#### **1. Giới thiệu sơ lược về Trường Đại học Vinh**

Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383.855.452;

Fax: 0383.855269

Email: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn)

Website: [www.vinhuni.edu.vn](http://www.vinhuni.edu.vn)

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/2/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ - TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Trường Đại học Sư phạm Vinh trước đây và nay là Trường Đại học Vinh là một trong số các trường đại học được thành lập sớm của nền giáo dục Việt Nam hiện đại và là trường đại học đầu tiên của Trung ương đứng chân ở địa phương. Hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Nhà trường đã tạo dựng được thương hiệu là một cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn, có uy tín đối với khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động: "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Nhà trường đã được tặng thưởng: Huân chương Lao Động hạng Nhì (1979),

Huân chương Lao Động hạng Nhất (1992), Huân chương Độc Lập hạng Ba (1995), Huân chương Độc Lập hạng Nhì (2001), Huân chương Hữu nghị của Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (2009, 2011) và nhiều phần thưởng cao quý khác. Năm 2004, Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam đã có quyết định số 873/2004/QĐ/CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho Trường Đại học Vinh do có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì đổi mới, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Năm 2009, Trường Đại học Vinh đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất và năm 2014 Trường được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ hai. Đảng bộ Trường được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An công nhận là đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh 16 năm liên tục (1998 - 2013). Công đoàn Trường được tặng Huân chương Lao động hạng Ba, hạng Nhì (2005). Đoàn Trường, Hội Sinh viên được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2004), Huân chương Lao động hạng Ba (2006).

## **2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ; Sự phù hợp của nhu cầu này đối với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nghệ An, các tỉnh Bắc Trung Bộ và quốc gia**

Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế là khu vực có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các địa phương đều xác định việc nâng cao trình độ quản lý kinh tế, năng lực lãnh đạo, sự hiểu biết và vận dụng các kiến thức về kinh tế và chính trị trong đội ngũ cán bộ quản lý nói chung có vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, thực trạng đội ngũ cán bộ của tỉnh Nghệ An cũng như khu vực Bắc Trung Bộ hiện nay cho thấy, đội ngũ cán bộ có trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế là rất ít. Do đó, việc nâng cao trình độ quản lý về kinh tế, tăng cường năng lực lãnh đạo cho đội ngũ cán bộ trong các sở ban ngành, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các trường đại học là có vai trò rất quan trọng trong định hướng chiến lược của các địa phương.

Qua 14 năm đào tạo bậc đại học với năm mã ngành là Kinh tế (Kinh tế đầu tư, Quản lý Kinh tế), Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính Ngân hàng và 05 năm đào tạo thạc sĩ kinh tế, Khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh đã cung cấp nhân lực cho tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước hàng nghìn cử nhân Kinh tế và hàng trăm thạc sĩ Kinh tế. Nhiều người được đào tạo từ Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh hiện đang là nhà quản lý cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, ngân hàng; cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học; cán bộ lãnh đạo, chuyên viên trong các tổ chức đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội của Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Bên cạnh đó, hiện có hàng chục nghìn cán bộ có trình độ đại học, hàng nghìn cán bộ có trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế nói riêng, Khoa học Xã hội và Nhân văn nói chung đang công tác trên địa bàn Nghệ An cũng như khu vực Bắc Trung Bộ. Nhiều người trong số đó không có điều kiện đi học tập trung ở các trung tâm lớn như Hà Nội hay Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Nghệ An cũng như các tỉnh Bắc Trung Bộ rất chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó ngành kinh tế đóng vai trò then chốt. Theo đó, các Sở ban ngành, các doanh nghiệp, các nhà quản lý kinh tế, các trường chính trị, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội đều nhận thấy sự cần thiết của việc nâng cao trình độ quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ. Trong nhu cầu chung đó, việc đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ Tiến

sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước đang được đặt ra một cách cấp thiết.

**Bảng 1: Khảo sát nhu cầu nguồn lực đào tạo tiến sĩ Quản lý kinh tế một số tỉnh Bắc trung bộ giai đoạn 2012 - 2017**

STT	Địa phương	Tốt nghiệp ĐH Khối ngành kinh tế giai đoạn 2012-2017	Tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế giai đoạn 2012-2017	Cơ sở đào tạo tiến sĩ Kinh tế
1	Thanh Hóa	7.200	2.536	Chưa có
2	Nghệ An	8.300	3.123	Chưa có
3	Hà Tĩnh	3.580	1.750	Chưa có
4	Quảng Bình	2.900	942	Chưa có
5	Quảng Trị	3.100	1.023	Chưa có
	<b>Tổng</b>	<b>57.300</b>	<b>9.374</b>	

*Nguồn: Số liệu khảo sát ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ giai đoạn 2012 - 2017*

Thành phố Vinh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xây dựng thành trung tâm kinh tế và văn hóa của khu vực Bắc Trung Bộ từ năm 2005 và được công nhận là Đô thị loại I vào năm 2009. Do vậy, để thực sự trở thành trung tâm kinh tế và văn hóa của vùng Bắc Trung Bộ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đang được đặt ra cấp thiết. Tuy nhiên, hiện nay việc đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế lại chủ yếu tập trung ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Khu vực Bắc Trung Bộ - nơi có dân số đông và nhu cầu đào tạo lớn chưa có cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

Trong bối cảnh đó, việc Trường Đại học Vinh là một trong những trường đại học trọng điểm quốc gia, có uy tín của cả nước - nơi cung cấp phần lớn nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng và đã có nhiều năm đào tạo cử nhân kinh tế, đề nghị được mở mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu của khu vực và cả nước đã được xác định trong phương hướng phát triển của Trường Đại học Vinh và đã được Hội đồng trường quyết định thông qua. Điều này cũng nằm trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội và gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương, góp phần thực hiện đề án 911, phù hợp với quyết định 121/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường Đại học và Cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020.

### **3. Giới thiệu về khoa Kinh tế - đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ**

#### **3.1. Thông tin chung về Khoa**

Tên khoa: KHOA KINH TẾ

Tên giao dịch quốc tế: Economics Department

Địa chỉ: 182, đường Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0383 552.496 Fax: 0383 855624

Email: [khoakinhte@vinhuni.edu.vn](mailto:khoakinhte@vinhuni.edu.vn)

#### **3.2. Sơ lược lịch sử Khoa**

Tháng 7 năm 1959, Phân hiệu ĐHSVP Vinh được thành lập. Cùng với sự kiện đó, Bộ môn Mác - Lênin cũng ra đời. Từ năm 1960 đến năm 1973, Đảng uỷ trường Đại học Vinh có chủ trương bố trí giáo viên Mác - Lênin về các khoa, vừa giảng dạy, vừa làm công tác Đảng, công tác chính trị, tư tưởng. Tháng 9 năm 1985, Bộ môn Kinh

tế chính trị Mác - Lênin được thành lập.

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trải qua hơn 14 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Kinh tế đã đào tạo hàng ngàn cử nhân, hàng trăm Thạc sĩ kinh tế khẳng định được vị thế của mình đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội. Hiện nay, Khoa có 59 cán bộ, trong đó có 56 giảng viên với 2 PGS.TS, 20 TS, 34 ThS (có 23 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước). Năm 2003 đến nay, Khoa Kinh tế đã có 10 khoá học chính quy ngành Kinh tế với trên 4.500 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Khoa Kinh tế hiện đang đào tạo 5 mã ngành đại học (Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp) và hai chuyên ngành sau đại học (Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế) với 3.646 sinh viên chính quy, 1.315 sinh viên hệ không chính quy và 276 học viên cao học. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo và cấp chứng chỉ: Kế toán tổng hợp, Kế toán máy, Kế toán trưởng, Quản trị doanh nghiệp, Marketing bán hàng, Đầu tư chứng khoán, Nghiệp vụ ngân hàng,... cho hơn 3.000 học viên.

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Sau 14 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng nhiều. Nhiều đồng chí hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

Từ năm 2013 đến nay, Khoa Kinh tế đã và đang đào tạo 05 khóa trình độ thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị trong đó có 03 khóa đã tốt nghiệp với 370 học viên đã nhận bằng thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kinh tế chính trị. Nhiều học viên tốt nghiệp đã trở thành cán bộ cốt cán của các doanh nghiệp, sở, ban, ngành của tỉnh, huyện có trình độ chuyên môn giỏi, phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên cương vị công tác của mình.

### **3.3. Chức năng, nhiệm vụ**

- *Chức năng:*

Khoa Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước.

- *Nhiệm vụ:*

+ Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

+ Đào tạo Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp.

+ Đào tạo trình độ Thạc sĩ Kinh tế: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

+ Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

+ Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về Kinh tế và Quản lý kinh tế.

- + Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
- + Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

#### **3.4. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ**

- Cơ cấu về số lượng: Tổng số: 60; Cán bộ giảng dạy: 57; Chuyên viên: 03
- Cơ cấu về trình độ: 03 PGS.TS, 20 TS, 34 ThS (có 23 người đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước).
- Ban lãnh đạo khoa:
  - + Trưởng khoa: TS. Nguyễn Thị Thu Cúc
  - + Phó Trưởng khoa: TS. Hồ Thị Mỹ Hạnh
  - + Phó Trưởng khoa: TS. Nguyễn Hoài Nam
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo của khoa:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Học hàm, Học vị</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Thị Thu Cúc	TS	Tài chính	Trưởng khoa, Chủ tịch HĐKHĐT
2	Nguyễn Đăng Bằng	PGS.TS.	Kinh tế Chính trị	Ủy viên Hội đồng
3	Nguyễn Thị Hường	PGS.TS	Quản lý Kinh tế	Ủy viên Hội đồng
4	Nguyễn Hoài Nam	TS	Quản lý Kinh tế	Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Ủy viên Hội đồng
5	Trần Thị Hoàng Mai	TS	Quản lý kinh tế	Ủy viên Hội đồng
6	Thái Thị Kim Oanh	TS	Quản lý kinh tế	Ủy viên Hội đồng
7	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	TS	Quản lý kinh tế	Ủy viên Hội đồng
8	Hồ Thị Diệu Ánh	TS	Quản trị kinh doanh	Trưởng Bộ môn QTKD, Ủy viên HĐ
9	Nguyễn Thị Hải Yến	TS (CS)	Kinh tế chính trị	Ủy viên hội đồng
10	Đình Trung Thành	GVC.TS	Kinh tế Chính trị	Ủy viên Hội đồng
11	Đặng Thành Cương	TS	Kinh tế	Trưởng Bộ môn Tài chính Ngân hàng, Ủy viên HĐ
12	Nguyễn Thị Minh Phượng	TS	Kinh tế	Trưởng Bộ môn Kinh tế đầu tư và phát triển, Ủy viên Hội đồng
13	Nguyễn Thị Thúy Vinh	TS	Kinh tế	Ủy viên Hội đồng
14	Nguyễn Thị Bích Liên	TS (CS)	Kinh tế	Ủy viên Hội đồng
15	Hồ Mỹ Hạnh	TS	Kế toán	Phó trưởng khoa, Thư ký Hội đồng
16	Bùi Văn Dũng	PGS.TS.	Kinh tế Chính trị - Triết học	Ủy viên Hội đồng
17	Phạm Thị Thúy Hằng	TS	Kế toán	Trưởng Bộ môn Kế toán, Ủy viên HĐ
18	Nguyễn Thị Hạnh Duyên	TS	Kế toán	Ủy viên Hội đồng
19	Đường Thị Quỳnh Liên	TS	Kế toán	Ủy viên Hội đồng
20	Nguyễn Hoàng Dũng	TS (CS)	Kế toán	Ủy viên Hội đồng

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Chuyên ngành	Ghi chú
21	Đặng Thúy Anh	TS (CS)	Kế toán	Ủy viên Hội đồng
22	Nguyễn Thị Thanh Hòa	TS	Kế toán	Ủy viên Hội đồng
23	Ngô Hồng Nhung	TS (CS)	TCNH	Ủy viên Hội đồng

- Khoa có 5 bộ môn như sau:
- + Bộ môn Kinh tế
- + Bộ môn Kinh tế đầu tư
- + Bộ môn Quản trị kinh doanh
- + Bộ môn Kế toán
- + Bộ môn Tài chính Ngân hàng

### **3.5. Hoạt động đào tạo**

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của mình, Khoa luôn xác định hoạt động đào tạo là hoạt động cơ bản và có ý nghĩa sống còn. Hoạt động đào tạo của Khoa được biểu hiện ở các nội dung cơ bản như sau:

#### *- Hệ đại học chính quy:*

Đây được xem là hệ đào tạo xương sống của Khoa. Từ khi thành lập Khoa (2003) đến nay, Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân kinh tế với các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Kinh tế. Khoa đã xây dựng khung chương trình, chương trình và đề cương chi tiết các học phần cho tất cả 05 mã ngành đào tạo Đại học. Tất cả các chương trình này được xây dựng mang tính khoa học và cập nhật. Từ năm học 2007- 2008, cùng với toàn Trường, các ngành đào tạo chính quy của Khoa đã chuyển sang phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Khoa cũng đã công bố được chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đại học chính quy do Khoa quản lý và đang xây dựng chương trình đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Kinh tế nông nghiệp theo hướng tiếp cận CDIO.

Hoạt động đào tạo hệ đại học chính quy của Khoa luôn được thực hiện đúng quy chế, đúng kế hoạch. Các hoạt động dạy, học, thi và đánh giá được tổ chức một cách cơ bản, khoa học, công bằng và khách quan.

Hiện nay, Khoa có tổng cộng 3.646 sinh viên theo học hệ đào tạo chính quy tập trung tại trường và 1.045 sinh viên hệ không chính quy tại các địa phương trên cả nước. Khoa cũng đã xây dựng và tham gia đào tạo hệ đại học liên thông chính quy, hệ văn bằng hai vừa làm vừa học.

#### *- Hệ đào tạo Sau đại học:*

Đây là một mảng đào tạo đang ngày càng phát triển do nhu cầu nâng cao trình độ của xã hội và uy tín, thương hiệu của nhà trường. Hiện tại khoa đang đào tạo chuyên ngành Thạc sĩ Kinh tế chính trị, thạc sĩ Quản lý kinh tế. Để nâng cao chất lượng và đảm bảo uy tín đào tạo, Khoa chú trọng đến việc quản lý học viên cả về thời gian và chất lượng học tập nghiên cứu. Việc kiểm tra, đánh giá, luôn chặt chẽ từ khâu dạy, ra đề thi, coi thi và chấm bài. Các chuyên ngành đã phát triển khá mạnh mẽ các hướng nghiên cứu gắn với yêu cầu phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Ban chủ nhiệm, các tổ bộ môn và đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học của Khoa xác định, đây là bậc đào tạo cán bộ có chất lượng cao cho đất nước. Khung chương trình, chương trình chi tiết các ngành Cao học do Khoa quản lý, đào tạo đều được biên soạn công phu, nghiêm túc, khoa học và cập nhật. Từ năm học 2013 - 2014 đến nay, đồng thời với việc đổi mới khung và nội dung chương trình, các cán

bộ đào tạo sau đại học của khoa đã biên soạn chương trình chi tiết của 20 chuyên đề đào tạo cao học thạc sĩ theo học chế tín chỉ.

Kể từ đợt tuyển sinh năm 2012, ngoài tuyển sinh 05 mã ngành Đại học chính quy, 03 mã ngành đào tạo vừa làm vừa học và 01 mã ngành từ xa, Khoa Kinh tế chính thức đào tạo Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị từ năm 2012 và thạc sĩ Quản lý kinh tế (từ năm 2016). Đến nay, Khoa đã và đang đào tạo 05 khóa Thạc sĩ Kinh tế chính trị, trong đó có 03 khóa đã tốt nghiệp. Số lượng học viên cao học tăng nhanh qua các năm cho thấy nhu cầu học cao học kinh tế ở Nghệ An nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ đang rất lớn.

Đề nâng cao hiệu quả đào tạo Sau đại học, hàng năm khoa đã mời các nhà khoa học chuyên ngành có uy tín ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội vào thỉnh giảng và tham gia Hội đồng chấm luận văn.

### **3.6. Cơ sở vật chất và khen thưởng**

- Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Kinh tế còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

- Trải qua 4 năm xây dựng và trưởng thành, với những thành tích đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Khoa Kinh tế đã được khen thưởng:

- + Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc hàng năm;
- + Tập thể lao động giỏi;
- + 02 Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- + 05 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + 04 Bằng khen của TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- + 02 Giấy khen Tỉnh Đoàn cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

## **4. Lý do đề nghị cho phép mở chuyên ngành Quản lý kinh tế, trình độ Tiến sĩ**

### **4.1. Nhu cầu đào tạo của ngành và của khu vực**

Trong chiến lược xây dựng và phát triển đất nước, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và chuyên sâu là một trong những khâu đột phá. Theo đó, từ nay đến năm 2020, sẽ đào tạo 20.000 tiến sĩ, trong đó 50% được đào tạo trong nước.

Chuyên ngành Quản lý kinh tế là một trong những chuyên ngành có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước. Trường Đại học Vinh có khoa Kinh tế đào tạo cử nhân kinh tế 14 năm. Hiện nay, công tác đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, mới được thực hiện ở một và cơ sở đào tạo tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi đó, hiện nay có hàng vạn cán bộ có trình độ đại học và hàng nghìn cán bộ chuyên ngành Kinh tế và những ngành có chuyên môn gần đây có nhu cầu nâng cao trình độ. Do đó, việc mở thêm cơ sở đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế đang được đặt ra cấp thiết.

Đồng thời, Nghệ An nói riêng, các tỉnh Bắc Trung Bộ nói chung là một vùng đất có dân cư đông, có truyền thống hiếu học và là địa bàn tuyển sinh chủ yếu của Trường Đại học Vinh. Theo qui hoạch Chiến lược phát triển của Chính phủ sẽ thúc đẩy khu vực Bắc Trung Bộ phát triển, trong đó Nghệ An được xem là trung tâm. Theo đó, trong thời gian tới, tỉnh Nghệ An cũng như các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước cần



được đào tạo nhanh hơn nữa nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Đây cũng là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử - văn hóa rất đáng tự hào, trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi sâu sắc, dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra áp lực đối với các địa phương, nhất là các địa phương nghèo như Nghệ An cần tập trung phát triển kinh tế địa phương nhằm có những chính sách hợp lý, đi tắt đón đầu về công nghệ và xu hướng thời đại, tránh bị bỏ lại phía sau. Điều này đòi hỏi đi kèm với đó phải có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước, cán bộ quản lý doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội có trình độ chuyên môn cao về quản lý kinh tế.

Chính vì thế, việc mở mã ngành đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế trở thành nhu cầu bức thiết không chỉ của ngành Kinh tế mà còn của cả tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

## **Phần 2. Chương trình và kế hoạch đào tạo**

### **1. Chương trình đào tạo**

Chuyên ngành đăng ký đào tạo: Quản lý kinh tế

Mã ngành đào tạo: 62 34 04 10

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Chuyên ngành Quản lý kinh tế

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

#### ***1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo***

Việc xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế Ban Giám hiệu Trường Đại học Vinh cũng như Hội đồng khoa học Khoa Kinh tế xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế, trình độ tiến sĩ dựa trên những căn cứ sau:

- Căn cứ Thông tư số: 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ”;

- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

- Căn cứ Quyết định số 3230/QĐ-ĐHV ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Vinh.

- Căn cứ nhu cầu đào tạo của của các cơ quan, các sở ban ngành, các doanh nghiệp, các ban ngành của đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội về nâng cao trình độ quản lý kinh tế cho đội ngũ cán bộ, các nhà doanh nghiệp. Trong nhu cầu chung đó, việc đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước đang được đặt ra một cách cấp thiết.

- Căn cứ vào đội ngũ giảng viên có học hàm phó giáo sư, học vị tiến sĩ chuyên

ngành Quản lý kinh tế của Khoa và Trường Đại học Vinh đảm bảo đủ về số lượng, đã có kinh nghiệm nhiều năm trong đào tạo Sau đại học, đáp ứng được yêu cầu đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

## **1.2. Tóm tắt về chương trình đào tạo**

### **- Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo**

Đào tạo NCS đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (gọi là Khung trình độ quốc gia).

### **- Các mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo**

+ Trang bị và giúp NCS nâng cao kiến thức căn bản, chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về chuyên ngành Quản lý kinh tế; nâng cao năng lực tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo của NCS để làm chủ, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Quản lý kinh tế;

+ Hỗ trợ NCS rèn luyện và phát triển khả năng phát hiện, phân tích, chứng minh và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp; Xác định đúng mục tiêu, nội dung và cách thức tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý trong lĩnh vực kinh tế; Đề xuất các chính sách và công cụ quản lý, điều tiết kinh tế vĩ mô; Phát hiện và đưa ra các giải pháp sáng tạo để khai thác, phân bổ và quản lý hiệu quả các nguồn lực trong nền kinh tế quốc dân.

+ Hướng dẫn NCS hình thành và phát triển kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức và ý tưởng mới theo đề tài; hỗ trợ NCS rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Quản lý kinh tế và liên ngành (định lượng và định tính); kỹ năng thực hiện và trình bày kết quả nghiên cứu chuyên đề tiến sĩ, bài báo khoa học và luận án tiến sĩ.

### **- Chuẩn đầu ra trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế**

+ NCS có kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về chuyên ngành Quản lý kinh tế; nâng cao năng lực tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo của NCS để làm chủ, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của chuyên ngành Quản lý kinh tế.

+ Có khả năng phát hiện những vấn đề nghiên cứu mới xuất phát từ thực tiễn và lý luận trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp của quốc gia và thế giới.

+ NCS phát triển được khả năng phân tích, chứng minh và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp

+ NCS có thể phát triển kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức và ý tưởng mới theo đề tài.

+ Có khả năng lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh.

+ Có kiến thức và kỹ năng để giảng dạy và biên soạn giáo trình cho bậc đại học và sau đại học trong lĩnh vực quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh.

### **+ Khối lượng kiến thức các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

### **- Cấu trúc tổng quát của Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành**

#### **Quản lý kinh tế gồm ba phần:**

Phần 1: Các học phần bổ sung

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

**- Chương trình đào tạo cụ thể như sau:**

+ Đối với những người có bằng đại học chuyên ngành Quản lý kinh tế: Nghiên cứu sinh phải học 15 học phần bổ sung với khối lượng 46 tín chỉ, 4 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng 12 tín chỉ, thực hiện 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ, tiểu luận tổng quan với khối lượng 06 tín chỉ và luận án tiến sĩ (66 tín chỉ).

+ Đối với những người có bằng Thạc sĩ gần với chuyên ngành đào tạo: Nghiên cứu sinh phải học 05 học phần bổ sung với khối lượng 15 tín chỉ, 4 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng 12 tín chỉ, thực hiện 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ, tiểu luận tổng quan với khối lượng 06 tín chỉ và luận án tiến sĩ (66 tín chỉ).

+ Đối với những người có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành Quản lý kinh tế nhưng đã tốt nghiệp trên 10 năm: Nghiên cứu sinh phải học 05 học phần bổ sung với khối lượng 15 tín chỉ, 4 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng 12 tín chỉ, thực hiện 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ, tiểu luận tổng quan với khối lượng 06 tín chỉ và luận án tiến sĩ (66 tín chỉ).

+ Đối với những người có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành Quản lý kinh tế đã tốt nghiệp dưới 10 năm: Nghiên cứu sinh phải học 4 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng 12 tín chỉ, thực hiện 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ, tiểu luận tổng quan với khối lượng 06 tín chỉ và luận án tiến sĩ (66 tín chỉ).

***Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức***

+ Đối với những người có bằng đại học ngành Quản lý kinh tế học bổ sung 15 học phần

+ Những người có bằng Thạc sĩ gần với chuyên ngành đào tạo phải học bổ sung 5 học phần (15 tín chỉ) thuộc khối kiến thức chuyên ngành

+ Những người có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành Quản lý kinh tế học nhưng đã tốt nghiệp trên 10 năm phải học bổ sung 5 học phần (15 tín chỉ) thuộc khối kiến thức chuyên ngành

***Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan***

+ *Chuyên đề tiến sĩ:*

Căn cứ vào hướng nghiên cứu và nội dung luận án, các GS, PGS, TS hướng dẫn đề xuất và cơ sở đào tạo giao chuyên đề để nghiên cứu sinh thực hiện.

- Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề Tiến sĩ, mỗi chuyên đề Tiến sĩ có khối lượng 2 tín chỉ.

- Nội dung các chuyên đề phải phù hợp với đề tài luận án tiến sĩ.

- Hình thức trình bày gồm: Mở đầu, nội dung, kết luận, số lượng trang khoảng 30 đến 50 trang.

- Thời hạn hoàn thành: Sau khi hoàn thành các học phần tiến sĩ và trước khi bảo vệ luận án.

- Cách đánh giá: Thành lập tiểu ban 3 thành viên, chấm điểm theo thang điểm 10, thể hiện trong phiếu chấm. Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo sau đại học của Trường Đại học Vinh.

+ *Tiểu luận tổng quan*

- Nội dung: Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

- Hình thức trình bày gồm: Phần mở đầu, nội dung, kết luận, số lượng trang từ 30 đến 50 trang.

- Thời hạn hoàn thành: Trước khi bảo vệ luận án.
- Cách đánh giá: Thành lập tiểu ban khi có ý kiến đề xuất của giáo sư hướng dẫn, gồm 3 thành viên, điểm chấm theo thang điểm 10. Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo sau đại học của Trường Đại học Vinh.

### ***Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ***

#### ***- Nghiên cứu khoa học***

+ NCS tham gia nghiên cứu khoa học cùng với cán bộ, giảng viên của khoa:

- ✓ NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn ở Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.
- ✓ NCS có thể tham gia đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường và cấp Bộ.

+ Về bài báo khoa học: NCS phải có ít nhất 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

#### ***- Luận án tiến sĩ***

##### ***\* Quy định về chất lượng:***

- + Luận án đảm bảo tính khoa học
- + Phương pháp nghiên cứu khoa học hợp lý
- + Tư liệu, số liệu trích dẫn có nguồn gốc rõ ràng, độ tin cậy cao.
- + Có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.
- + Đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

\* *Quy định về số trang:* Theo quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo**

### **2.1. Kế hoạch tuyển sinh**

#### ***- Phương án tuyển sinh ngành đào tạo kèm chỉ tiêu dự kiến 5 năm đầu***

Chuyên ngành Quản lý kinh tế là một trong những chuyên ngành có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh đã đào tạo cử nhân kinh tế 13 khóa. Bên cạnh đó, công tác đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, mới chỉ được thực hiện ở một cơ sở đào tạo tại một số thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi đó, hiện nay có hàng vạn cán bộ có trình độ đại học và hàng nghìn cán bộ chuyên ngành Kinh tế và những ngành có chuyên môn gần đang có nhu cầu nâng cao trình độ.

Đồng thời, Nghệ An nói riêng, các tỉnh Bắc Trung Bộ nói chung là một vùng đất có dân cư đông, có truyền thống hiếu học và là địa bàn tuyển sinh chủ yếu của Trường Đại học Vinh. Theo qui hoạch Chiến lược phát triển của Chính phủ sẽ thúc đẩy khu vực Bắc Trung Bộ phát triển, trong đó Nghệ An được xem là trung tâm. Trong thời gian tới, tỉnh Nghệ An cũng như các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước cần được đào tạo nhanh hơn nữa nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi đi kèm với đó phải có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước, cán bộ quản lý doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội có trình độ chuyên môn cao về quản lý kinh tế. Đây chính là nguồn tuyển sinh trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản lý Kinh tế của khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh.

*Cách thức tuyển sinh:* căn cứ chỉ tiêu và nguyện vọng của học viên, Đại học Vinh tổ chức lựa chọn học viên trúng tuyển chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành

Quản lý kinh tế phải đáp ứng các điều kiện sau (theo thông tư 08/2017/BGD&ĐT)

Các đối tượng trên tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế và nộp học phí theo quy định của trường. Các đối tượng tuyển sinh phải đảm bảo về sức khỏe theo đúng tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các tiêu chuẩn khác sẽ được áp dụng theo các quy định về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*Chuẩn bị hoạt động liên quan đến tuyển sinh:*

+ Giới thiệu về chương trình đào tạo trong các buổi tư vấn tuyển sinh do Nhà trường tổ chức, gửi văn bản tuyển sinh đến các cơ quan Hành chính nhà nước và các đơn vị khác đặc biệt là trong khu vực Bắc trung bộ.

+ Đưa tin thường trực về chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế trên trang web của trường

+ Giới thiệu về chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế qua các phương tiện truyền thông, báo chí khác.

+ Giới thiệu trực tiếp thông tin về chương trình đến các sinh viên trúng tuyển Đại học Vinh trong kỳ thi tuyển sinh đại học.

- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến 5 năm đầu của cơ sở đào tạo: mỗi năm tuyển sinh từ 05 đến 10 NCS chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- *Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đối với người dự tuyển (văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác); yêu cầu đối với người tốt nghiệp.*

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau (theo thông tư 08/2017/BGD&ĐT):

1. Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế hoặc các nhóm ngành kinh tế. Trường hợp người dự tuyển chưa có bằng Thạc sĩ phải có bằng tốt nghiệp Đại học khối ngành Kinh tế loại khá trở lên.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phân biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II thông tư 08/2017/BGD&ĐT) theo quy định tại điểm c do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

5. Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng ngành dự tuyển do Hiệu trưởng trường Đại học Vinh quy định.

- *Hồ sơ dự tuyển bao gồm:*

1. Đơn xin dự tuyển.

2. Lý lịch khoa học.

3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

4. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 Điều 5 của thông tư 08/2017/BGD&ĐT và thâm niên công tác (nếu có).

5. Đề cương nghiên cứu

6. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

7. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

- *Yêu cầu đối với người tốt nghiệp*

+ Hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

+ Đảm bảo trình độ ngoại ngữ theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

+ Bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ.

- *Danh mục các ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký đào tạo*

<b>TT</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Phân loại</b>
1	52340401	Khoa học quản lý/ Quản lý kinh tế	Ngành đúng
2	52310101	Kinh tế	Ngành gần
3	52310106	Kinh tế quốc tế/ Kinh tế đối ngoại	Ngành gần
4	52340101	Quản trị kinh doanh	Ngành gần
5	52340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Ngành gần
6	52340107	Quản trị khách sạn	Ngành gần
7	52340109	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Ngành gần
8	52340115	Marketing	Ngành gần
9	52340116	Bất động sản	Ngành gần
10	52340120	Kinh doanh quốc tế	Ngành gần
11	52340121	Kinh doanh thương mại	Ngành gần
12	51340201	Tài chính - Ngân hàng	Ngành gần
13	51340202	Bảo hiểm	Ngành gần
14	51340301	Kế toán	Ngành gần
15	51340302	Kiểm toán	Ngành gần
16	51340404	Quản trị nhân lực	Ngành gần
17	51340405	Hệ thống thông tin quản lý	Ngành gần
18	51340406	Quản trị văn phòng	Ngành gần
19	52620115	Kinh tế nông nghiệp	Ngành gần
20	52620116	Phát triển nông thôn (chuyên ngành)	Ngành gần

		Kinh tế thủy sản, kinh tế lâm nghiệp, kinh tế thủy lợi)	
21	52810501	Kinh tế gia đình	Ngành gần
22	52840104	Kinh tế vận tải	Ngành gần
23	52850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Ngành gần
24	52850103	Quản lý đất đai	Ngành gần
25	52510604	Kinh tế công nghiệp	Ngành gần

*- Danh mục các môn học bổ sung kiến thức*

Ngoài việc học các học phần tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, những NCS dự tuyển từ trình độ Cử nhân, những NCS có bằng Thạc sĩ thuộc các chuyên ngành gần hoặc có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành Quản lý kinh tế học nhưng đã tốt nghiệp trên 10 năm phải học các học phần bổ sung kiến thức như sau:

+ **Đối với những người có bằng đại học ngành Quản lý kinh tế học bổ sung 15 học phần sau:**

Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần Số		Tổng số	LT	TL
<b>Phần kiến thức chung (2 học phần)</b>					
KTTH	701	Triết học <i>Philosophy</i>	4	70%	30%
KTTA	702	Ngoại ngữ <i>Foreign Language</i>	3	70%	30%
<b>Phần kiến thức cơ sở của ngành và chuyên ngành</b>					
<b>Các học phần bắt buộc (4 học phần)</b>					
KTTK	703	Các học thuyết kinh tế hiện đại <i>Modern Economic Theories</i>	3	70%	30%
KTVM	704	Kinh tế vĩ mô nâng cao <i>Advanced Macroeconomic</i>	3	70%	30%
QLNN	705	Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội <i>Socio-economic state management</i>	3	70%	30%
PPNC	706	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế <i>Economic science research method</i>	3	70%	30%
<b>Các học phần lựa chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)</b>					
KTQT	707	Kinh tế quốc tế nâng cao <i>International economic integration</i>	3	70%	30%
KTPT	708	Kinh tế phát triển nâng cao <i>Advanced development economic</i>	3	70%	30%
QLKN	709	Kỹ năng quản lý <i>Management skill</i>	3	70%	30%
QLNL	710	Quản lý nguồn nhân lực <i>Human Resource management</i>	3	70%	30%
QTCC	711	Quản lý chương trình và dự án công <i>Public programs and projects management</i>	3	70%	30%
QLCT	712	Quản lý tài chính công <i>State finance management</i>	3	70%	30%

QLTB	713	Các nhà quản lý kinh tế tiêu biểu <i>Representative economic managers</i>	3	70%	30%
QLKH	714	Quản lý khủng hoảng <i>Crisis management</i>	3	70%	30%
<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>					
<b>Các học phần bắt buộc (3 học phần)</b>					
QLTC	715	Quản lý tổ chức <i>Organizational management</i>	3	70%	30%
QLPT	716	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa <i>Economic development management in globalization</i>	3	70%	30%
QLCS	717	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế <i>Economic policy analysis and evaluation</i>	3	70%	30%
<b>Các học phần lựa chọn (chọn 2 trong 6 học phần)</b>					
QLQH	718	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội <i>Socio-economic development planning</i>	3	70%	30%
QLLĐ	719	Lãnh đạo <i>Leaders</i>	3	70%	30%
QLXD	720	Đàm phán và quản lý xung đột <i>Negotiation and conflict management</i>	3	70%	30%
QLTĐ	721	Quản lý sự thay đổi và đổi mới <i>Change management</i>	3	70%	30%
QLBV	722	Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam <i>Sustainable economic development management in Vietnam</i>	3	70%	30%
QLCL	723	Quản lý chiến lược <i>Strategic management</i>	3	70%	30%

+ Những người có bằng Thạc sĩ gần với chuyên ngành đào tạo phải học bổ sung 5 học phần (15 tín chỉ) thuộc khối kiến thức chuyên ngành

Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần Số		Tổng số	LT	TL
<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>					
<b>Các học phần bắt buộc (3 học phần)</b>					
QLTC	715	Quản lý tổ chức <i>Organizational management</i>	3	70%	30%
QLPT	716	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa <i>Economic development management in globalization</i>	3	70%	30%
QLCS	717	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế <i>Economic policy analysis and evaluation</i>	3	70%	30%
<b>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)</b>					
QLQH	718	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội <i>Socio-economic development planning</i>	3	70%	30%



QLLĐ	719	Lãnh đạo <i>Leaders</i>	3	70%	30%
QLXD	720	Đàm phán và quản lý xung đột <i>Negotiation and conflict management</i>	3	70%	30%
QLTĐ	721	Quản lý sự thay đổi và đổi mới <i>Change management</i>	3	70%	30%
QLBV	722	Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam <i>Sustainable economic development management in Vietnam</i>	3	70%	30%
QLCL	723	Quản lý chiến lược <i>Strategic management</i>	3	70%	30%

+ Những người có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành **Quản lý kinh tế học** nhưng đã tốt nghiệp trên 10 năm phải học bổ sung 5 học phần (15 tín chỉ) thuộc khối kiến thức chuyên ngành

Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phân chữ	Phân Số		Tổng số	LT	TL
<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>					
<b>Các học phần bắt buộc (3 học phần)</b>					
QLTC	715	Quản lý tổ chức <i>Organizational management</i>	3	70%	30%
QLPT	716	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa <i>Economic development management in globalization</i>	3	70%	30%
QLCS	717	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế <i>Economic policy analysis and evaluation</i>	3	70%	30%
<b>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 5 học phần)</b>					
QLQH	718	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội <i>Socio-economic development planning</i>	3	70%	30%
QLLĐ	719	Lãnh đạo <i>Leaders</i>	3	70%	30%
QLXD	720	Đàm phán và quản lý xung đột <i>Negotiation and conflict management</i>	3	70%	30%
QLTĐ	721	Quản lý sự thay đổi và đổi mới <i>Change management</i>	3	70%	30%
QLBV	722	Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam <i>Sustainable economic development management in Vietnam</i>	3	70%	30%
QLCL	723	Quản lý chiến lược <i>Strategic management</i>	3	70%	30%

## 2.2. Kế hoạch đào tạo:

- Thời gian đào tạo toàn khóa:

+ Đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với người có

bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

+ Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục và được cơ sở đào tạo chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định tại điểm a) của mục này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

- *Khung kế hoạch đào tạo từng năm, kì theo chương trình chuẩn*

+ ***Đối với những người có bằng đại học ngành Quản lý kinh tế, học tập trung 4 năm***

<b>Học kỳ</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Số TC</b>
Học kỳ 1	- 2 học phần chung	07
	- 4 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	12
	- 2 học phần tự chọn của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	06
Học kỳ 2	- 2 học phần tự chọn của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	06
	- 5 học phần của khối kiến thức chuyên ngành	15
Học kỳ 3	- Bảo vệ đề cương	
	- 2 học phần Tiến sĩ bắt buộc	06
	- Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 4	- 2 học phần Tiến sĩ tự chọn	06
	- Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 5	- Tiểu luận tổng quan	06
	- Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 6	- 1 chuyên đề Tiến sĩ	02
	- Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 7	- 2 chuyên đề tiến sĩ	04
	- Bảo vệ Luận án cấp Bộ môn	11
	- Bảo vệ Luận án cấp Trường	15
<b>TỔNG</b>		<b>136</b>

+ ***Đối với những người có bằng Thạc sĩ gần với chuyên ngành đào tạo, những người có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế nhưng đã tốt nghiệp lâu năm (trên 10 năm), học tập trung 3 năm***

<b>Học kỳ</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Số TC</b>
Học kỳ 1	- 5 học phần của khối kiến thức chuyên ngành	15
	- Thực hiện luận án tiến sĩ	10
	- Bảo vệ đề cương	
Học kỳ 2	- 2 học phần Tiến sĩ bắt buộc	06
	- Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 3	- 2 học phần Tiến sĩ tự chọn	06
	- Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 4	- Tiểu luận tổng quan	06
	- 1 chuyên đề Tiến sĩ	02
	- Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 5	- 2 chuyên đề Tiến sĩ	04
	- Bảo vệ Luận án cấp Bộ môn	11

Học kỳ 6	- Bảo vệ Luận án cấp Trường	15
<b>TỔNG</b>		<b>105</b>

+ Đối với những người có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế (tốt nghiệp dưới 10 năm), học tập trung 3 năm

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số TC
Học kỳ 1	- Bảo vệ đề cương - Thực hiện Luận án	10
Học kỳ 2	- 2 học phần Tiến sĩ bắt buộc - Thực hiện Luận án	06 10
Học kỳ 3	- 2 học phần Tiến sĩ tự chọn - Thực hiện Luận án	06 10
Học kỳ 4	- Tiểu luận tổng quan - 1 chuyên đề Tiến sĩ - Thực hiện Luận án	06 02 10
Học kỳ 5	- 2 chuyên đề Tiến sĩ - Bảo vệ Luận án cấp Bộ môn	04 11
Học kỳ 6	- Bảo vệ Luận án cấp Trường	15
<b>TỔNG</b>		<b>90</b>

+ Dự kiến phân công giảng viên thực hiện

**\* CÁC MÔN HỌC KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**

TT	Tên môn học	Số TC	Cán bộ giảng dạy	Nơi công tác
<b>Các môn học bắt buộc</b>				
1	Các học thuyết kinh tế hiện đại	3	PGS.TS. Bùi Văn Dũng	Trường ĐH Vinh
2	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng	Trường ĐH Vinh
3	Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	3	TS. Trần Thị Hoàng Mai	Trường ĐH Vinh
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	1. TS. Nguyễn Thị Minh Phượng	Trường ĐH Vinh
<b>Các môn học tự chọn (chọn 4 trong 8 môn học)</b>				
1	Kinh tế quốc tế nâng cao	3	TS. Đinh Trung Thành	Trường ĐH Vinh
2	Kinh tế phát triển nâng cao	3	TS. Nguyễn Thị Thúy Vinh	Trường ĐH Vinh
3	Quản lý nguồn nhân lực	3	TS. Hồ Thị Diệu Ánh	Trường ĐH Vinh
4	Quản lý tài chính công	3	TS. Nguyễn Thị Thu Cúc	Trường ĐH Vinh
5	Quản lý chương trình và dự án công	3	PGS.TS. Nguyễn Thị Hường	Trường ĐH Vinh
6	Quản lý khủng hoảng	3	TS. Nguyễn Hoài Nam	Trường ĐH Vinh
7	Các nhà quản lý kinh tế tiêu biểu	3	PGS.TS. Bùi Văn Dũng	Trường ĐH Vinh
8	Kỹ năng quản lý	3	TS. Thái Thị Kim Oanh	Trường ĐH Vinh

**\* CÁC MÔN HỌC KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**

TT	Tên môn học	Số TC	Cán bộ giảng dạy	Nơi công tác
<b>Các môn học bắt buộc</b>				
1	Quản lý tổ chức	3	TS. Thái Thị Kim Oanh	Trường ĐH Vinh
2	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa	3	TS. Nguyễn Hoài Nam	Trường ĐH Vinh
3	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3	TS. Trần Thị Hoàng Mai	Trường ĐH Vinh
<b>Các môn học tự chọn (chọn 2 trong 6 môn học)</b>				
1	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	3	TS. Nguyễn Thị Minh Phượng	Trường ĐH Vinh
2	Lãnh đạo	3	PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng	Trường ĐH Vinh
3	Đàm phán và quản lý xung đột	3	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Trường ĐH Vinh
4	Quản lý sự thay đổi và đổi mới	3	TS. Hồ Thị Diệu Ánh	Trường ĐH Vinh
5	Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam	3	PGS.TS. Bùi Văn Dũng	Trường ĐH Vinh
6	Quản lý chiến lược		TS. Nguyễn Thị Thúy Vinh	Trường ĐH Vinh

**\* CÁC HỌC PHẦN TIẾN SĨ**

TT	Tên môn học	Số TC	Cán bộ giảng dạy	Nơi công tác
<b>Các môn học bắt buộc</b>				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết luận án	3	PGS.TS. Nguyễn Đăng Bằng	Trường ĐH Vinh
2	Quản lý kinh tế (cốt lõi và ứng dụng)	3	PGS.TS. Nguyễn Thị Hương	Trường ĐH Vinh
<b>Các môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>				
1	Phân tích chính sách kinh tế vĩ mô	3	TS. Nguyễn Hoài Nam	Trường ĐH Vinh
2	Quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp	3	TS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Trường ĐH Vinh
3	Đánh giá tác động của chính sách, pháp luật kinh tế	3	TS. Thái Thị Kim Oanh	Trường ĐH Vinh
4	Quản lý đầu tư công và mua sắm công	3	TS. Trần Thị Hoàng Mai	Trường ĐH Vinh

- Mức học phí/người học/năm học, khoá học.

- Căn cứ quyết định 1024/QĐ-ĐHV của Trường Đại học Vinh về việc ban hành định mức học phí đào tạo trình độ Tiến sĩ các chuyên ngành từ năm học 2016 - 2017

đến năm học 2020 - 2021, mức học phí của các nghiên cứu sinh được cụ thể hóa như sau:

TT	Chuyên ngành	Khung học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021 (ngàn đồng/tháng)					Ghi chú
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
1	Khối ngành Kinh tế	1.675	1.850	2.025	2.225	2.450	

**Hội đồng thẩm định  
CHỦ TỊCH**

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đề nghị được đào tạo  
HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Hữu Đạt**

**GS.TS. Đinh Xuân Khoa**